

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Số: 1937 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày 06 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp
Dốc Truong Sỏi, huyện Hoài Ân

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Theo Văn bản số 148/BVPTR-KHTH ngày 27/5/2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Dốc Truong Sỏi, huyện Hoài Ân;

Xét đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân tại Văn bản số 64/ĐN-BQL ngày 28/5/2025 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 489/TTr-SNNMT ngày 04/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Dốc Truong Sỏi, huyện Hoài Ân của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân, với tổng diện tích là 9,09 ha, trong đó:

- Diện tích 9,09 ha (rừng trồng 2,97 ha; đất khác (có nguồn gốc rừng trồng) 6,12 ha), thuộc quy hoạch rừng sản xuất.

- Vị trí: Thuộc khoảnh 2, tiểu khu 113, xã Ân Đức; khoảnh 3, tiểu khu 114A, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Ranh giới: Giới hạn điểm góc có tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi 3 độ tại phụ lục kèm theo.

- Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ kèm theo, gồm:

+ Văn bản số 64/ĐN-BQL ngày 28/5/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Văn bản số 0148/BVPTR-KHKT ngày 27/5/2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Dốc Truong Sỏi, huyện Hoài Ân.

+ Báo cáo Thuyết minh kết quả điều tra hiện trạng rừng Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Dốc Truong Sỏi, huyện Hoài Ân của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân; bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (tăng/giảm); tham mưu UBND tỉnh giải quyết các nội dung liên quan đến đất đai để thực hiện Dự án theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hoài Ân, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Hoài Ân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10

[Chữ ký]

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
Tọa độ chuyển mục đích sử dụng rừng
Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp
Độc Truong Sỏi, huyện Hoài Ân
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2025 của UBND tỉnh)

STT	X	Y	STT	X	Y
1	1588112,96	576389,51	23	1588236,37	575831,00
2	1588110,69	576393,41	24	1588295,17	575882,61
3	1588104,51	576391,93	25	1588237,98	575951,43
4	1588099,19	576413,11	26	1588278,96	575991,71
5	1588088,45	576429,78	27	1588268,48	576003,10
6	1588068,72	576450,02	28	1588264,17	576012,06
7	1588048,86	576462,73	29	1588246,95	576034,41
8	1588030,93	576472,46	30	1588234,74	576060,36
9	1587991,23	576462,65	31	1588226,72	576071,67
10	1587991,69	576439,26	32	1588224,85	576069,90
11	1588010,39	576369,45	33	1588199,14	576089,76
12	1587990,57	576364,73	34	1588156,51	576122,43
13	1587974,54	576302,75	35	1588083,81	576170,71
14	1587947,47	576237,92	36	1588077,11	576170,89
15	1587957,80	576197,03	37	1588068,06	576185,12
16	1587945,60	576176,14	38	1588063,29	576205,20
17	1587955,46	576137,11	39	1588063,65	576235,15
18	1587989,49	576102,88	40	1588079,00	576264,98
19	1588046,61	575998,20	41	1588101,76	576287,16
20	1588119,68	575916,70	42	1588116,95	576307,00
21	1588164,73	575886,81	43	1588124,76	576331,91
22	1588175,47	575871,91	44	1588127,52	576351,84